

Bản Thông Tin An Toàn

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Mã phân loại sản phẩm theo GHS	IJ Primer PR-200
Mô Tả Sản Phẩm	PR200-Z-22/PR200-Z-60/PR200-Z-BA/PR200-Z-B2
Ink Ver.	3
Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng	Mực Lót làm Khô bằng tia UV của IJ mực
Tên nhà sản xuất	MIMAKI ENGINEERING CO., LTD.
địa chỉ nhà sản xuất	2182-3 Shigeno-otsu, Tomi-shi, Nagano 389-0512 JAPAN
số điện thoại	+81-268-64-2413
Số điện thoại khẩn cấp	+84 28 4458 2388 (chỉ trong phạm vi Việt Nam) +65 3158 1074

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại theo GHS

CÁC NGUY CƠ VỀ SỨC KHỎE

Độc cấp tính (miệng) Cấp 5
Ăn mòn / kích ứng da Cấp 2
Tổn thương nghiêm trọng / kích ứng mắt Cấp 2A
Tác nhân nhạy da Cấp 1
Độc tính sinh sản Cấp 2
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn Cấp 3 (kích thích đường hô hấp)
Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh Cấp 1
Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh Cấp 1

Nguy hại ảnh hưởng đến môi trường

Các yếu tố nhãn theo GHS

BIỂU TƯỢNG HOẶC KÝ HIỆU



TỪ BÁO HIỆU

Cảnh báo nguy cơ

Cảnh báo
H303 Có thể có hại nếu nuốt phải
H315 Gây kích ứng da
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng
H317 Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da
H361 Nghi ngờ là có hại đến khả năng sinh sản hoặc trẻ sơ sinh
H335 Có thể gây kích ứng đường hô hấp
H400 Rất độc đối với sinh vật thủy sinh
H410 Rất độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài

CÁC TUYÊN BỐ VỀ PHÒNG NGỪA
NGĂN NGỪA

Cần có những chỉ dẫn đặc biệt trước khi sử dụng(P201)
Đọc và hiểu các phòng ngừa về an toàn trước khi sử dụng(P202)
Tránh hít thở sương mù/hơi/hơi phun(P261)
Rửa hoàn toàn sau khi sử dụng(P264)

ĐÁP ỨNG

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc trong khu vực thông gió tốt(P271)
 Quần áo làm việc bị nhiễm bẩn không nên để ngoài nơi làm việc(P272)
 Tránh phát tán ra môi trường(P273)
 Đeo găng tay bảo hộ và mang bảo vệ mắt/mặt(P280)
 Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân như yêu cầu(P281)
 NẾU TRÊN DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng(P302+P352)
 NẾU HÍT PHẢI: Di chuyển nạn nhân đến nơi không khí trong lành và nghỉ ngơi ở một vị trí dễ thở(P304+P340)
 NẾU TRONG MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu đang đeo và nếu dễ thực hiện. Tiếp tục rửa(P305+P351+P338)
 Nếu sự kích thích da xuất hiện: Cần tư vấn/chăm sóc y tế(P308+P313)
 Gọi TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc thầy thuốc/bác sĩ nếu bạn thấy không khỏe(P312)
 Xử lý riêng biệt.(P321)
 Nếu sự kích thích da hoặc phát ban xuất hiện: Cần tư vấn/chăm sóc y tế(P333+P313)
 Nếu sự kích thích mắt tiếp diễn: Cần tư vấn/chăm sóc y tế(P337+P313)
 Thay quần áo bị nhiễm bẩn và giặt trước khi tái sử dụng(P362)
 Thu gom các chất bị tràn ra(P391)
 Lưu trữ tại khu vực thông khí tốt. Giữ thùng chứa đóng chặt(P403+P233)
 Bảo quản nơi có khóa(P405)
 Thải bỏ các thành phần/thùng chứa ở bãi chôn lấp đã được phê duyệt(P501)

BẢO QUẢN

THẢI BỎ

3. Thông tin về thành phần các chất

CHẤT HOẶC HỖN HỢP		HỖN HỢP	
Tên hóa chất	Hàm lượng	Công thức hóa học	Số CAS
Aliphatic monomer	80-90%	Không biết	Bí mật
aromatic monomer	1-10%	Không biết	Bí mật
Polyester Oligomer	<5%	Không biết	Bí mật
Photopolymerization initiator	<5%	Không biết	Bí mật
Other	<1%	Không biết	Bí mật
2,6-Di-tert-butyl-p-cresol (BHT)	<0.2%	Không biết	128-37-0

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

TRONG TRƯỜNG HỢP HÍT PHẢI

Gọi TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ/thầy thuốc nếu bạn cảm

TRONG TRƯỜNG HỢP TIẾP XÚC VỚI DA	thấy không khỏe. NẾU ĐÍNH VÀO DA, Rửa nhẹ nhàng bằng nhiều xà phòng và nước. Nếu bị ngứa ngáy trên da: Đề nghị có sự trợ giúp y tế và các hỗ trợ khác.
TRONG TRƯỜNG HỢP TIẾP XÚC VỚI	NẾU VÀO MẮT, Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu đang đeo và có thể làm dễ dàng. Tiếp tục rửa.
TRONG TRƯỜNG HỢP ĂN PHẢI	Xúc miệng. NẾU NUỐT PHẢI, Gọi ngay TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sỹ/thầy thuốc nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng. KHÔNG cố nôn ra.

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY	Bột, bột chịu cồn, carbon dioxide, cát.
PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY KHÔNG PHÙ HỢP	Tia sáng thẳng.
NHỮNG NGUY HIỂM CỤ THỂ	Nguy cơ sinh ra các khí có hại như carbon monoxide và các. Tránh hít phải khói hoặc các khí đó.
NHỮNG PHƯƠNG PHÁP CỤ THỂ	Trong trường hợp hỏa hoạn, hãy tránh xa các nguồn gây cháy và sử dụng các phương tiện dập lửa phù hợp. Hãy dập lửa từ vị trí ngược hướng gió nếu có thể. Trong khu vực cháy, vận chuyển ngay lập tức contenô tới khu vực an toàn, nếu các contenô có thể vận chuyển được. Nghiêm cấm nhân viên không được phép tiếp cận khu vực xung quanh đám cháy. Yêu cầu nhân viên không phận sự miễn tiếp cận.
BẢO VỆ LÍNH CỨU HỎA	Sử dụng kính bảo hộ kết hợp với mặt nạ chống bụi, và các phương tiện bảo vệ khác tùy theo tình huống.

6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố	Sử dụng kính bảo hộ kết hợp với mặt nạ chống bụi và các biện pháp bảo vệ khác phù hợp với từng tình huống. Lượng vật liệu tràn lớn: Sơ tán khu vực. Đảm bảo thông khí đầy đủ.
Các cảnh báo về môi trường	Không thải trực tiếp vào cống rãnh, nước trên mặt hoặc nước ngầm.
Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố	lượng vật liệu tràn nhỏ: hút bằng vật liệu như vật liệu không gây cháy, rửa kỹ sau khi xử lý. Lượng vật liệu tràn lớn: Cách ly phần vật liệu tràn và thải vào khu vực an toàn.

7. Yêu cầu về cất giữ

Bản Thông Tin An Toàn

VIỆC SỬ DỤNG

CÁC BIỆN PHÁP KỸ THUẬT

Sử dụng hệ thống thoát khí thải cục bộ trong trường hợp có khói hay hơi sương.

Các cơ sở lưu trữ hoặc sử dụng vật liệu này nên trang bị thiết bị rửa mắt và vòi sen an toàn.

BẢO QUẢN

CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN PHÙ HỢP

Bảo quản ở nơi có thông khí tốt.

8. Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

	ACGIH (TLV)	OSHA (PEL)	Vệ sinh Tiêu chuẩn Lao động
2,6-Di-tert-butyl-p-cresol (BHT)	TWA 2 mg/m ³ (IFV), STEL –	Chưa được thiết lập	Chưa được thiết lập

CÁC BIỆN PHÁP CÔNG NGHỆ

Sử dụng hệ thống thoát khí thải cục bộ trong trường hợp có khói hay hơi sương.

Các cơ sở lưu trữ hoặc sử dụng vật liệu này nên trang bị thiết bị rửa mắt và vòi sen an toàn.

Sử dụng thiết bị điện chống cháy nổ và phòng ngừa sự tĩnh điện.

THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

BẢO VỆ ĐƯỜNG HÔ HẤP

Nếu cần thiết, hãy mang bảo vệ đường hô hấp.

BẢO VỆ TAY

Nếu cần thiết, hãy mang găng tay bảo vệ.

BẢO VỆ MẮT

Nếu cần thiết, hãy mang bảo vệ mắt.

BẢO VỆ DA VÀ CƠ THỂ

Nếu cần thiết, hãy mặc quần áo bảo hộ.

9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Trạng thái vật lý	Chất lỏng
MÀU	Vàng
MÙI	Mùi nhẹ
NGUỖNG MÙI	Không có dữ liệu
pH	Không có dữ liệu
ĐIỂM NÓNG CHẢY	Không có dữ liệu
ĐIỂM SÔI	Không có dữ liệu
ĐIỂM CHỚP CHÁY	106°C
NGUỖNG MÙI	Không có dữ liệu
TÍNH DỄ CHÁY (RẮN, KHÍ)	Không có dữ liệu
CÁC GIỚI HẠN NỔ HOẶC CHÁY	Không có dữ liệu
ÁP SUẤT HƠI	Không có dữ liệu
TỶ TRỌNG HƠI	Không có dữ liệu
TRỌNG LƯỢNG RIÊNG (TỶ TRỌNG)	Không có dữ liệu
TÍNH TAN TRONG	Không tan trong nước
HỆ SỐ PHÂN TÁCH: n-OCTANOL/NƯỚC(log	Không có dữ liệu

Bản Thông Tin An Toàn

Pow)

NHIỆT ĐỘ TỰ CHÁY

Không có dữ liệu

NHIỆT ĐỘ PHÂN HỦY

Không có dữ liệu

10. Mức ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

Khả năng phản ứng	Khi đun nóng, nó bị phân hủy tạo ra khí cacbon monoxit và khí cacbonic.
Tính ổn định	Bền trong các điều kiện sử dụng bình thường.
Phản ứng nguy hiểm	Không có thông tin
Các điều kiện cần tránh	Ánh sáng mặt trời, sức nóng, ngọn lửa trần, nhiệt độ cao, tia lửa, tĩnh điện và các nguồn gây cháy khác.
Vật liệu không tương thích	Không có thông tin
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	Đốt cháy tạo ra cacbon monoxit, cacbon đioxit.

11. Thông tin về độc học

Độc cấp tính (miệng)	Loại 4:Other (giá trị biến đổi = 500mg/kg, nguồn: Registered substances (ECHA)) Không phân loại:2,6-Di-tert-butyl-p-cresol (BHT) (nguồn: NITE), Aliphatic monomer (giá trị độc tố = 5000mg/kg, nguồn: Registered substances (ECHA)) Không thể thực hiện việc phân loại:aromatic monomer (nguồn: Registered substances (ECHA)), Photopolymerization initiator (nguồn: 1272/2008/EC) Không có dữ liệu:Polyester Oligomer(nguồn: Không đăng ký) Kết quả tính toán = 4887.6889849mg/kg. Kết quả phân loại = Loại 5.
Độc cấp tính (da)	Không phân loại:2,6-Di-tert-butyl-p-cresol (BHT) (nguồn: NITE) Không thể thực hiện việc phân loại:Other (nguồn: Registered substances (ECHA)), Aliphatic monomer (nguồn: Registered substances (ECHA)), aromatic monomer (nguồn: Registered substances (ECHA)), Photopolymerization initiator (nguồn: 1272/2008/EC) Không có dữ liệu:Polyester Oligomer(nguồn: Không đăng ký) Có chứa chất độc chưa xác định. Chuyển từ Không phân loại sang Không thể thực hiện việc phân loại.
Độc cấp tính (hô hấp : khí)	Không xếp vào chất khí theo định nghĩa của GHS.
Độc cấp tính (hô hấp : hơi)	Không thể phân loại do không có đầy đủ dữ liệu
Độc cấp tính (hô hấp : bụi và sương)	Không thể phân loại do không có đầy đủ dữ liệu
Ăn mòn / kích ứng da	Loại 2:Aliphatic monomer (nguồn: Registered substances (ECHA)),

aromatic monomer (nguồn: Registered substances (ECHA))
Không phân loại: 2,6-Di-tert-butyl-p-cresol (BHT) (nguồn: NITE)
Không thể thực hiện việc phân loại: Other (nguồn: Registered substances (ECHA)), Photopolymerization initiator (nguồn: 1272/2008/EC)
Không có dữ liệu: Polyester Oligomer (nguồn: Không đăng ký)

Tập hợp nhóm chất 2 Giới hạn nồng độ = 10%. Kết quả xếp loại = Nhóm 2.

Tổn thương nghiêm trọng / kích ứng mắt

Loại 1: Other (nguồn: Registered substances (ECHA))
Loại 2: aromatic monomer (nguồn: 1272/2008/EC), Aliphatic monomer (nguồn: Registered substances (ECHA))
Loại 2B: 2,6-Di-tert-butyl-p-cresol (BHT) (nguồn: NITE)
Không thể thực hiện việc phân loại: Photopolymerization initiator (nguồn: 1272/2008/EC)
Không có dữ liệu: Polyester Oligomer (nguồn: Không đăng ký)

Tập hợp các chất nhóm mắt 2 Giới hạn nồng độ = 10%. Kết quả phân loại = Nhóm 2A.

Tác nhân nhạy hô hấp

Tác nhân nhạy da

Không thể phân loại do không có đầy đủ dữ liệu
Loại 1: Aliphatic monomer (nguồn: Registered substances (ECHA)), Photopolymerization initiator (nguồn: 1272/2008/EC)
Loại 1B: aromatic monomer (nguồn: Registered substances (ECHA))
Không thể thực hiện việc phân loại: 2,6-Di-tert-butyl-p-cresol (BHT) (nguồn: NITE), Other (nguồn: Registered substances (ECHA))
Không có dữ liệu: Polyester Oligomer (nguồn: Không đăng ký)

aromatic monomer $\geq 1\%$, Kết quả phân loại = Loại 1.

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Tác nhân gây ung thư

Độc tính sinh sản

Không thể phân loại do không có đầy đủ dữ liệu
Không thể phân loại do không có đầy đủ dữ liệu
Loại 2: 2,6-Di-tert-butyl-p-cresol (BHT) (nguồn: NITE)
Không thể thực hiện việc phân loại: Other (nguồn: Registered substances (ECHA)), Aliphatic monomer (nguồn: Registered substances (ECHA)), aromatic monomer (nguồn: Registered substances (ECHA)), Photopolymerization initiator (nguồn: 1272/2008/EC)
Không có dữ liệu: Polyester Oligomer (nguồn: Không đăng ký)

2,6-Di-tert-butyl-p-cresol (BHT) $\geq 0.1\%$, Kết quả phân loại = Loại 2.

Bản Thông Tin An Toàn

Độc tính sinh sản-Ảnh hưởng đến hoặc qua sữa mẹ

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn

Không thể phân loại do không có đầy đủ dữ liệu

Loại 1:2,6-Di-tert-butyl-p-cresol (BHT) (cơ quan = Hệ thần kinh, nguồn: NITE)

Loại 3:aromatic monomer (cơ quan = kích thích đường hô hấp, nguồn: 1272/2008/EC), Aliphatic monomer (cơ quan = kích thích đường hô hấp, nguồn: Registered substances (ECHA))

Không thể thực hiện việc phân loại:Other (nguồn: Registered substances (ECHA)), Photopolymerization initiator (nguồn: 1272/2008/EC)

Không có dữ liệu:Polyester Oligomer(nguồn: Không đăng ký)

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại

Loại 3(kích thích đường hô hấp) Giới hạn nồng độ = 20%. Kết quả phân loại = Loại 3(kích thích đường hô hấp).

Loại 2:2,6-Di-tert-butyl-p-cresol (BHT) (cơ quan = Gan, Phổi, nguồn: NITE), Other (cơ quan = Lách, Gan, nguồn: Registered substances (ECHA))

Không thể thực hiện việc phân loại:Aliphatic monomer (nguồn: Registered substances (ECHA)), aromatic monomer (nguồn: Registered substances (ECHA)), Photopolymerization initiator (nguồn: 1272/2008/EC)

Không có dữ liệu:Polyester Oligomer(nguồn: Không đăng ký)

Nguy hại hô hấp

Các chất được phân loại là độc hại ở dưới giới hạn nồng độ. Có chứa chất độc chưa xác định. Chuyển từ Không phân loại sang Không thể thực hiện việc phân loại.

Không thể phân loại do không có đầy đủ dữ liệu

12. Thông tin về sinh thái

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh

Loại 1:2,6-Di-tert-butyl-p-cresol (BHT) (nguồn: NITE), Aliphatic monomer (nguồn: Registered substances (ECHA))

Không thể thực hiện việc phân loại:Other (nguồn: Registered substances (ECHA)), aromatic monomer (nguồn: Registered substances (ECHA)), Photopolymerization initiator (nguồn: 1272/2008/EC)

Không có dữ liệu:Polyester Oligomer(nguồn: Không đăng ký)

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh

Nhóm 1 x Hệ số M $\geq$ giới hạn nồng độ(25%). Kết quả phân loại = Nhóm 1.

Loại 1:2,6-Di-tert-butyl-p-cresol (BHT) (nguồn: NITE), Aliphatic monomer (nguồn: Registered substances (ECHA))

Loại 2:aromatic monomer (nguồn: Registered substances (ECHA))

Loại 4: Photopolymerization initiator (nguồn: 1272/2008/EC)

Không thể thực hiện việc phân loại: Other (nguồn: Registered substances (ECHA))

Không có dữ liệu: Polyester Oligomer (nguồn: Không đăng ký)

Nhóm 1 x Hệ số M $\geq$ giới hạn nồng độ (25%). Kết quả phân loại = Nhóm 1.**13. Thông tin trong việc thải bỏ**

Chất thải của phần dư/sản phẩm chưa sử dụng

Trước khi xử lý cần làm cho chất thải không hại, ổn định, trung tính và hạn chế tối đa nguy hiểm và độc hại của rác.

Bao bì đã bị nhiễm

Được chuyển cho nhà thầu về chất thải đã được cấp phép.

Sử dụng lại contenô sau khi làm sạch hoặc xử lý các chất thải tuân thủ luật và các quy định của chính quyền địa phương.

Trong trường hợp phải sắp xếp, vận chuyển contenô rỗng, hãy di chuyển nhẹ nhàng.

14. Thông tin khi vận chuyển**CÁC QUY ĐỊNH QUỐC TẾ**

Thông tin về IMDG

Số UN

3082

Tên vận chuyển đường biển

ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S.

Loại, nhóm hàng nguy hiểm

9

Quy cách đóng gói

III

Điều khoản đặc biệt

2.10.2.7 *1

Thông tin về IATA

Số UN

3082

Tên vận chuyển đường biển

ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S.

Loại, nhóm hàng nguy hiểm

9

Quy cách đóng gói

III

Điều khoản đặc biệt

A197 *1

*1 Kệ hàng đơn hoặc đóng gói có khối lượng tịnh nhỏ hơn 5 L (đối với chất lỏng) hoặc 5 kg (đối với chất rắn) đều không thuộc đối tượng của Quy định về Hàng hóa Nguy hiểm – Tham khảo UN Special Provision (Điều khoản đặc biệt của LHQ).

15. Thông tin về pháp luật

Danh Mục

Sản phẩm này được đánh giá và quản lý theo các quy định hiện hành của Việt Nam, bao gồm:

Luật Hóa chất số 69/2025/QH15.

Nghị định số 24/2026/NĐ-CP quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất.

Nghị định số 26/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

Thông tư số 01/2026/TT-BCT quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và



Định Danh Sản Phẩm: IJ Primer PR-200

An Toàn: 037-0065968

Ngày thiết lập: 2021/01/29

Ngày sửa đổi: 2026/09/01

Bản Thông Tin An Toàn

Nghị định số 26/2026/NĐ-CP, bao gồm phân loại hóa chất, ghi nhãn hóa chất và Phiếu An toàn hóa chất (SDS).

Luật Hóa Chất – Phụ lục I – Hóa Chất Có Điều Kiện

Sản phẩm này không chứa thành phần nào có tên trong Luật Hóa Chất của Việt Nam – Phụ lục I – Hóa Chất Có Điều Kiện.

Phân Tích Thành Phần – Danh Mục

Nghị định số 24/2026/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định các danh mục hoá chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hoá chất:

Không có thành phần nào trong hợp chất này được liệt kê.

2,6-Di-tert-butyl-p-cresol (BHT) (128-37-0)

TSCA – United States	ENCS – Japan	KECI Annex 1, 2 – Korea	IECSC – China	DSL/NDL – Canada	PICCS – Philippines	AICS – Australia	EINECS/ELINCS – European Union	TCSI – Taiwan	NZIoC – New Zealand
CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ	CÓ

16. Các thông tin cần thiết khác

Ngày thiết lập

29/01/2021

THAM KHẢO

NITE GHS

EU CLP Regulation, AnnexVI

DỮ LIỆU KHÁC

Thông tin cung cấp trong Bản Thông Tin An Toàn này không hàm ý là đầy đủ và chỉ nên xem như là một hướng dẫn.

Tuy thông tin và các đề nghị nêu tại đây được tin là chính xác, công ty không có bất kỳ bảo đảm nào về các thông tin và đề nghị đó và từ chối tất cả mọi trách nhiệm pháp lý nảy sinh từ việc tin cậy vào đó.